

Số: 09/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Thông tư này quy định quyết toán đối với các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước, sau khi hoàn thành hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn. 

Vốn nhà nước bao gồm: vốn đầu tư công, vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước, vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước.

b) Thông tư này không quy định đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định đầu tư. Các dự án này thực hiện lập báo cáo quyết toán và thẩm tra phê duyệt quyết toán theo quy định tại Thông tư hướng dẫn quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc xã, phường, thị trấn của Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

3. Các tổ chức cá nhân có thể áp dụng quy định tại Thông tư này để lập báo cáo quyết toán và thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án không thuộc phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Mục tiêu của công tác quyết toán dự án hoàn thành

1. Công tác quyết toán dự án hoàn thành nhằm đánh giá kết quả quá trình đầu tư, xác định năng lực sản xuất, giá trị tài sản mới tăng thêm do đầu tư mang lại.

2. Công tác quyết toán dự án hoàn thành nhằm đánh giá việc thực hiện các quy định của Nhà nước trong quá trình đầu tư thực hiện dự án, xác định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư, các nhà thầu, cơ quan cấp vốn, cho vay, kiểm soát thanh toán, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

3. Thông qua công tác quyết toán dự án hoàn thành, các cơ quan quản lý nhà nước rút kinh nghiệm, hoàn thiện cơ chế chính sách của nhà nước, nâng cao hiệu quả công tác quản lý vốn đầu tư trong cả nước.

Điều 3. Chi phí đầu tư được quyết toán

Chi phí đầu tư được quyết toán là toàn bộ chi phí hợp pháp thực hiện trong quá trình đầu tư xây dựng để đưa dự án vào khai thác, sử dụng. Chi phí hợp pháp là toàn bộ các khoản chi phí thực hiện trong phạm vi dự án, thiết kế, dự toán được duyệt; hợp đồng đã ký kết (đối với những công việc thực hiện theo hợp đồng) kể cả phần điều chỉnh, bổ sung được duyệt theo quy định và đúng thẩm quyền. Chi phí đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt hoặc được điều chỉnh theo quy định của pháp luật.✍

Điều 4. Quyết toán dự án thành phần, tiểu dự án; hạng mục công trình độc lập hoàn thành

1. Đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, các chương trình dự án có nhiều dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập sử dụng (có quyết định phê duyệt dự án đầu tư riêng biệt) thì mỗi dự án thành phần hoặc tiểu dự án độc lập thực hiện lập báo cáo quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán như một dự án đầu tư độc lập theo quy định tại Thông tư này.

Sau khi toàn bộ dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, chương trình dự án hoàn thành; Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao quản lý dự án thành phần chính chịu trách nhiệm Báo cáo kết quả tổng quyết toán toàn bộ dự án (theo Mẫu số 09/QTDA kèm theo Thông tư này) gửi Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; không phải kiểm toán quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán lại các dự án thành phần hoặc tiểu dự án đã được thẩm tra và phê duyệt theo quy định.

2. Đối với công trình, hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng, trường hợp cần thiết phải quyết toán ngay thì chủ đầu tư căn cứ quy mô, tính chất và thời hạn xây dựng công trình, báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định. Giá trị quyết toán của hạng mục công trình bao gồm: chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, các khoản chi phí tư vấn và chi khác có liên quan trực tiếp đến hạng mục đó. Sau khi toàn bộ dự án hoàn thành, chủ đầu tư tổng hợp giá trị quyết toán của công trình, hạng mục công trình vào báo cáo quyết toán toàn bộ dự án và xác định mức phân bổ chi phí chung cho từng hạng mục công trình thuộc dự án, trình người có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Quyết toán dự án đầu tư sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ

1. Việc quyết toán dự án đầu tư sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ tuân thủ các điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi mà Chính phủ hoặc Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp không trái với điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi, việc quyết toán dự án đầu tư sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều này.

2. Các dự án đầu tư xây dựng công trình, tiểu dự án hoặc hợp phần xây dựng công trình thực hiện quyết toán theo quy định tại Thông tư này. Đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, các dự án đầu tư khác quyết toán theo quy định cụ thể tại Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết

toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp.

3. Đối với các chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật do phía nhà tài trợ trực tiếp quản lý vốn và triển khai thực hiện dự án thì chủ đầu tư quyết toán phần vốn đối ứng trong nước do chủ đầu tư quản lý thực hiện (nếu có); đồng thời ghi tăng giá trị tài sản tương ứng với phần vốn mà bên tài trợ bàn giao.

Điều 6. Quyết toán dự án đầu tư đặc thù

Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; trường hợp cần thiết ban hành quy định riêng, các Bộ, ngành, địa phương có dự án đề xuất và thống nhất với Bộ Tài chính để ban hành.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 7. Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành

1. Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành phải xác định đầy đủ, chính xác:

- a) Nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án, chi tiết theo từng nguồn vốn đầu tư;
- b) Tổng chi phí đầu tư đề nghị quyết toán, chi tiết theo cơ cấu (bồi thường hỗ trợ và tái định cư, xây dựng, thiết bị, quản lý dự án, tư vấn và các khoản chi phí khác);
- c) Chi phí thiệt hại trong quá trình đầu tư;
- d) Chi phí được phép không tính vào giá trị tài sản;
- đ) Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư.

2. Biểu mẫu báo cáo quyết toán:

a) Đối với dự án hoàn thành, hạng mục công trình độc lập hoàn thành, dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu gồm các Mẫu số: 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07/QTDA kèm theo Thông tư này.

b) Đối với dự án quy hoạch sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển (nếu có), dự án dừng thực hiện vĩnh viễn không có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị được nghiệm thu gồm các Mẫu số: 03, 07, 08/QTDA kèm theo Thông tư này.

3. Nơi nhận báo cáo quyết toán: cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán; cấp trên trực tiếp của chủ đầu tư (nếu có); cơ quan kiểm soát cho vay, kiểm soát

thanh toán để xác nhận số vốn đã kiểm soát cho vay, kiểm soát thanh toán đối với dự án.

Điều 8. Hồ sơ trình duyệt quyết toán

Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan thẩm tra phê duyệt quyết toán. Hồ sơ bao gồm các tài liệu sau:

1. Đối với dự án hoàn thành, hạng mục công trình hoàn thành; dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư (bản chính). Trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, tờ trình phải nêu rõ những nội dung thống nhất, nội dung không thống nhất và lý do không thống nhất giữa chủ đầu tư và đơn vị kiểm toán độc lập;

b) Biểu mẫu báo cáo quyết toán theo quy định tại Điều 7 Thông tư này (bản chính);

c) Toàn bộ các văn bản pháp lý có liên quan theo Mẫu số 02/QTDA (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính);

d) Hồ sơ quyết toán của từng hợp đồng gồm bản chính các tài liệu: hợp đồng xây dựng; các biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; các văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, phát sinh, thay đổi (nếu có); biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng (quyết toán A-B); hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình đối với hợp đồng có công việc thi công xây dựng (bản chính hoặc bản do chủ đầu tư sao y bản chính); biên bản thanh lý hợp đồng đối với trường hợp đã đủ điều kiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng; các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng;

đ) Biên bản nghiệm thu công trình hoặc hạng mục công trình độc lập hoàn thành đưa vào sử dụng, văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản chính);

e) Báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập trong trường hợp thuê kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán (bản chính);

g) Kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước trong trường hợp các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dự án; kết quả điều tra của các cơ quan pháp luật trong trường hợp chủ đầu tư vi phạm pháp luật bị cơ quan pháp luật điều tra; báo cáo tình hình chấp hành các báo cáo trên của chủ đầu tư.✱